

MÔN: LẮP RÁP CÀI ĐẶT BẢO TRÌ MÁY TÍNH

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TBM Lần 1		
							4,0		6,0	6,0	TB Môn	KQ1	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	2223360410	Phạm Bùi Duy	Anh	26/09/2007	02PM15C2	7,0	7,0	7,0		6,5		6,7	Đạt
2	2223360500	Nguyễn Hoàng Quốc	Bảo	10/09/2007	02PM15C2	7,0	7,0	7,0		6,5		6,7	Đạt
3	2223360558	Nguyễn Duy	Bảo	13/11/2006	02PM15C2	7,5	7,0	7,2		6,5		6,8	Đạt
4	2223360547	Bùi Thanh	Bình	01/06/2007	02PM15C2	7,0	7,5	7,3		6,5		6,8	Đạt
5	2223360370	Vũ Đức	Dũng	25/12/2006	02PM15C2	9,0	8,5	8,7		8,0		8,3	Đạt
6	2223360397	Lê Trọng Thành	Đạt	17/11/2007	02PM15C2	8,0	8,0	8,0		7,0		7,4	Đạt
7	2223360485	Nghiêm Tấn	Đạt	20/12/2007	02PM15C2	8,0	8,5	8,3		7,0		7,5	Đạt
8	2223360543	Nguyễn Phước	Đạt	20/05/2007	02PM15C2	8,0	8,0	8,0		7,0		7,4	Đạt
9	2223360516	Huỳnh Hải	Đăng	22/12/2006	02PM15C2	7,0	7,0	7,0		7,5		7,3	Đạt
10	2223360493	Võ Tấn	Được	19/08/2002	02PM15C2	9,0	8,5	8,7		8,5		8,6	Đạt
11	2223360461	Trần Thị Hồng	Hạnh	05/03/2007	02PM15C2	7,5	7,0	7,2		6,5		6,8	Đạt
12	2223360457	Nguyễn Trương Hoàn	Hiệp	27/05/2007	02PM15C2	7,0	7,0	7,0		7,5		7,3	Đạt
13	2223360373	Trần Tuệ	Hiếu	31/07/2007	02PM15C2	7,5	7,0	7,2		7,0		7,1	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0	6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
14	2223360513	Bùi Văn	Hòa	18/11/2004	02PM15C2	0,0	0,0	0,0	TBKT	0,0		0,0	Học lại
15	2223360392	Nguyễn Huy	Hoàng	03/04/2007	02PM15C2	8,0	7,5	7,7		7,5		7,6	Đạt
16	2223360394	Hồ Minh	Hoàng	24/07/2007	02PM15C2	7,5	7,5	7,5		6,5		6,9	Đạt
17	2223360384	Võ Nguyễn Minh	Hưng	16/10/2007	02PM15C2	7,5	8,0	7,8		7,5		7,6	Đạt
18	2223360383	Nguyễn Minh	Khang	31/08/2007	02PM15C2	8,0	7,5	7,7		7,0		7,3	Đạt
19	2223360452	Lê Võ Hoàng	Khang	13/05/2005	02PM15C2	0,0	0,0	0,0	TBKT	0,0		0,0	Học lại
20	2223360361	Nguyễn Sơn	Long	05/11/2007	02PM15C2	8,0	7,5	7,7		7,0		7,3	Đạt
21	2223360097	Nguyễn Tiến	Lợi	14/10/2001	02PM15C2	9,0	8,0	8,3		8,0		8,1	Đạt
22	2223360506	Lý Hữu	Lợi	02/07/2005	02PM15C2	7,0	7,0	7,0		7,5		7,3	Đạt
23	2223360556	Nguyễn Minh	Mẫn	26/10/2004	02PM15C2	7,5	7,0	7,2		7,5		7,4	Đạt
24	2223360553	Nguyễn Đức	Nam	29/06/2005	02PM15C2	7,0	7,0	7,0		7,5		7,3	Đạt
25	2223360449	Hoàng Thành	Nhân	09/10/2006	02PM15C2	8,0	7,0	7,3		7,0		7,1	Đạt
26	2223240126	Lê Thị Yến	Nhi	22/07/2001	02PM15A2	0,0	0,0	0,0	TBKT	0,0		0,0	Học lại
27	2223180066	Nguyễn Tấn	Phát	15/11/1991	02PM15A2	0,0	0,0	0,0	TBKT	0,0		0,0	Học lại
28	2223360501	Nguyễn Thị Yến	Phi	19/12/2007	02PM15C2	8,0	7,5	7,7		7,0		7,3	Đạt
29	2223240169	Đặng Phong	Phú	28/02/1993	02PM15A2	7,5	7,5	7,5		8,0		7,8	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0	6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
30	2223360436	Nguyễn Tấn Thiên	Phúc	03/01/2007	02PM15C2	7,0	7,5	7,3		7,0		7,1	Đạt
31	2223360227	Lý Kiến	Quốc	26/08/2007	02PM15C2	7,5	7,0	7,2		7,0		7,1	Đạt
32	2223360423	Chí Nguyệt Cát	Tiên	04/05/2007	02PM15C2	8,0	7,5	7,7		7,5		7,6	Đạt
33	2223360470	Trần Phúc	Thành	28/10/2006	02PM15C2	7,0	7,0	7,0		7,0		7,0	Đạt
34	2223360483	Ngô Quang	Thành	30/11/2007	02PM15C2	7,5	7,5	7,5		7,5		7,5	Đạt
35	2223360518	Nguyễn Quốc	Thắng	01/12/2007	02PM15C2	7,5	7,0	7,2		7,5		7,4	Đạt